

DỰ TOÁN THU -CHI SỰ NGHIỆP CÔNG KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Học kỳ II năm học 2024-2025 theo công văn 386/SGDDT-KHTC ngày 23/01/2025 của ở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM))

ĐVT: Ngân đồng

STT	Nội dung thu	Số hs	Định mức thu	Số tháng	Số tiền	Ghi chú
A	PHẦN THU				7,463,757	
Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa					25,200	
1	Năng khiếu Nhịp điệu	63	80	5	25,200	
Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục						
	- Các lớp năng khiếu				3,146,990	
	Anh văn	469	460	5	1,078,700	
	Steam	469	180	5	422,100	
	Kỹ năng sống	469	92	5	215,740	
	Nhịp điệu	469	80	5	187,600	
	Vẽ	469	80	5	187,600	
	Gokids	469	450	5	1,055,250	
Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú					1,479,947	
5	Tổ chức phục vụ, quản lý bán trú+vệ sinh bán trú				700,595	
	Nhóm 6-18 tháng	21	345	5	36,225	
	Nhà trẻ 25-36 tháng	63	310	5	97,650	
	Mẫu giáo 3-5 tuổi	448	253	5	566,720	
6	Tiền phục vụ ăn sáng	532	100	5	266,000	
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	532	86	1	45,752	
8	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ 04/2017/NQ-	84	260	5	109,200	
9	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ 04/2017/NQ-	448	160	5	358,400	
Các khoản thu hộ-chi hộ học trẻ					2,811,620	
10	Học phẩm	532	50	0	0	
11	Học cụ - Học liệu			0	0	
	Nhà trẻ	84	57	0	0	
	Mẫu giáo 3, 4 tuổi	292	115	0	0	
	Mẫu giáo 5 tuổi	156	172	0	0	
12	Tiền ăn trưa bán trú	532	700	5	1,862,000	
13	Tiền ăn sáng	532	300	5	798,000	
14	Tiền nước uống	532	15	5	39,900	
15	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	532	20	1	10,640	
16	Tiền điện sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	532	28	5	74,480	
17	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: gồm số liên lạc điện tử nhân mềm quản lý	532	10	5	26,600	

STT	Nội dung thu	Số hs	Định mức thu	Số tháng	Số tiền	Ghi chú
18	Bảo hiểm tai nạn cho trẻ	532	30	0	0	
B	PHẦN CHI			Tỷ lệ chi	7,463,757	
I. Các khoản chi phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa					25,200	
1	Năng khiếu nhíp điệu				25,200	
	- Chi thuê TNDN		2%		504	
	- Chi trả cho bên HĐ giảng dạy		85%		21,420	
	- Chi hoạt động chuyên môn		13%		3,276	
	- Chi khấu hao tài sản				655	
	- Chi phí phục vụ chuyên môn (điện ,nước,				2,621	
II. Các khoản chi phục vụ cho hoạt động giáo dục						
	- Các lớp năng khiếu (AV,vẽ,nhíp				3,146,990	
	- Chi thuê TNDN		2%		62,940	
	- Chi trả cho bên HĐ giảng dạy		85%		2,674,942	
	- Chi hoạt động chuyên môn		13%		409,109	
	- Chi khấu hao tài sản				53,499	
	- Chi phí phục vụ chuyên môn (điện ,nước,				355,610	
III. Các khoản chi dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú					1,479,947	
5	Tổ chức phục vụ, quản lý bán trú+vệ sinh bán trú				700,595	
	- Thuế TNDN		2%		14,012	
	- Chi phí chuyên môn(điện,nước,vpp....)		18%		126,107	
	- Chi công tác tham gia hoạt động bán trú cho CB-GV-		72%		504,428	
	- Chi mua hàng hóa vệ sinh bán trú(xà bông,nước lau		8%		56,048	
6	Tiền phục vụ ăn sáng				266,000	
	- Thuế TNDN		2%		5,320	
	- Chi tham gia công tác PV ăn sáng cho CB-GV-CNV		98%		260,680	
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán				45,752	
	- Thuế TNDN		2%		915	
	- Mua thiết bị, vật dụng phục vụ bán		98%		44,837	
8	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo				467,600	
	- Thuế TNDN		2%		9,352	
	- Tiền lương, tiền công nhân viên nuôi dưỡng+các		98%		458,248	
IV. Các khoản chi hỗ trợ học sinh					2,811,620	
10	Học phẩm (chi mua tập,sách cho trẻ)		100%		0	
11	Học cụ - Học liệu (chi mua vật dụng bút chì,sáp		100%		0	
12	Tiền suất ăn trưa bán trú (chi thực phẩm cho xuất ăn trưa		100%		1,862,000	
13	Tiền suất ăn sáng (chi thực phẩm cho xuất ăn sáng cho		100%		798,000	
14	Tiền nước uống(chi mua nước uống đóng chai cho trẻ)		100%		39,900	
15	Tiền khám sức khỏe cho trẻ định kỳ và nha học đường(1		100%		10,640	
16	Tiền điện sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh		100%		74,480	
17	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và		100%		26,600	
18	Bảo hiểm tai nạn cho trẻ		100%		0	
C CHÉNH LỆCH THU CHI (A-B)					-	

Dự toán thu chi các nguồn thu sự nghiệp- thu hộ chi hộ dựa trên nguyên tắc thu đủ-bù chi.

Cuối năm sau khi trừ đi tất cả chi phí và nghĩa vụ thuế với nhà nước, số thặng dư còn lại sẽ tiến hành trích 40% CCTL,số còn lại sẽ bổ sung vào quỹ phát triển sự nghiệp nhằm duy tu,bảo dưỡng cũng như mua sắm tài sản phục vụ cho công tác giảng dạy của đơn vị.

Riêng đối với các khoản thu hộ-chi hộ thì mang sang năm sau tiếp tục phục vụ cho trẻ.


TRƯỜNG
 Ngày 04 tháng 02 năm 2025
HOA HỒNG
 Nguyễn Thị Thu Trinh

Số: 18 /TB-MNHH

Quận 7, ngày 05 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

"V/v công khai các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ,
hỗ trợ hoạt động giáo dục Tháng 02/2025"

Năm học 2024-2025

- Thông qua Đề án số 236/ĐA-MNHH ngày 04/10/2022 của trường Mầm non Hoa Hồng về thực hiện chương trình Chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế";
- Căn cứ Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công nhận Trường Mầm non Hoa Hồng, Quận 7 là trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế";
- Căn cứ Công văn số 6391/UBND-GDĐT ngày 10/10/2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Quận 7;
- Căn cứ Công văn số 386/SGDĐT-KHTC ngày 23/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức các khoản thu của các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh học kỳ II năm học 2024-2025;
- Trường Mầm non Hoa Hồng thông báo đến Quý Cha mẹ học sinh các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Tháng 02/2025, như sau:

Đơn vị tính: đồng/tháng

STT	NỘI DUNG THU	NHÀ TRẺ			MẪU GIÁO			GHI CHÚ
		6 - 18 tháng	19 - 24 tháng	25 - 36 tháng	MẦM 3 - 4 tuổi	CHÒI 4 - 5 tuổi	LÁ 5 - 6 tuổi	
I.	KHOẢN THU HỌC PHÍ							
1	Học phí	200,000	200,000	200,000	160,000	160,000	0	
II.	CÁC KHOẢN THU TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHÁC							
1	Tiền tổ chức dạy năng khiếu Nhịp điệu			80,000				
2	Tiền tổ chức dạy năng khiếu Vẽ			80,000				Không bao gồm tiền sách và tài liệu
3	Tiền tổ chức Chương trình TDDT 10 môn phối hợp			450,000				
III.	CÁC KHOẢN THU TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO THỎA THUẬN							
1	Tiền tổ chức dạy năng khiếu Nhịp điệu				80,000	80,000	80,000	
2	Tiền tổ chức dạy năng khiếu Vẽ				80,000	80,000	80,000	Không bao gồm tiền sách và tài liệu
3	Tiền tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với Tiếng anh				460,000	460,000	460,000	
4	Tiền tổ chức Chương trình TDDT 10 môn phối hợp (Gokids)				450,000	450,000	450,000	
5	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống				92,000	92,000	92,000	
6	Tiền tổ chức Giáo dục STEM				180,000	180,000	180,000	
7	Hoàn trả tiền Tổ chức chương trình ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm thu trong tháng 01/2025				-80,000	-80,000	-80,000	Hoàn trả lại do tạm dừng thu theo CV số 386/SGDDĐT-KHTC

